

Hà Nội, ngày 12 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO

Thúc đẩy sản xuất nông nghiệp trong điều kiện dịch Covid-19

(Tài liệu phục vụ Hội nghị ngày 12/3/2020)

I. KẾT QUẢ NĂM 2019 VÀ 2 THÁNG ĐẦU NĂM 2020

Năm 2019, nông nghiệp nước ta tiếp tục hội nhập sâu hơn, đồng thời đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức như Dịch tả lợn châu Phi, tác động của biến đổi khí hậu, chiến tranh thương mại giữa các nền kinh tế lớn, nhiều quy định mới về truy xuất nguồn gốc xuất xứ, tiêu chuẩn an toàn thực phẩm ngày càng cao hơn... Dù vậy, năm 2019 nông nghiệp vẫn duy trì được đà tăng trưởng khá với tốc độ tăng GDP toàn ngành đạt 2,01% (*Nông nghiệp tăng nhẹ đạt 0,61%, lâm nghiệp tăng 4,98% và thủy sản tăng 6,3%*); kim ngạch xuất khẩu nông lâm thủy sản ước đạt 41,3 tỷ USD. Kết quả phát triển nông, lâm nghiệp và thủy sản, cụ thể như sau:

1. Kết quả sản xuất

a) Trồng trọt

- Lương thực

+ Năm 2019, sản lượng lương thực có hạt đạt 48,2 triệu tấn; trong đó, sản lượng lúa ước tính đạt 43,45 triệu tấn, giảm 1,4%; sản lượng ngô đạt 4,76 triệu tấn, giảm 2,4%.

+ 2 tháng đầu năm 2020, cả nước gieo cấy đạt khoảng 3,01 triệu ha lúa Đông Xuân, giảm khoảng 110 nghìn ha so với năm 2019¹ (*phía Bắc gieo cấy 1,1 triệu ha; phía Nam đã thu hoạch 1,0 triệu ha/1,91 triệu ha gieo cấy*); sản lượng ước đạt 20,3 triệu tấn, giảm khoảng 164 nghìn tấn so với vụ trước. Riêng Đồng bằng sông Cửu Long, Vụ Đông – Xuân 2019-2020, các địa phương đã tiến hành gieo sạ sớm hơn trung bình hàng năm từ 10 đến 30 ngày để tránh ảnh hưởng của hạn mặn; diện tích gieo sạ khoảng 1,54 triệu ha, cơ bản tránh được hạn mặn², năng suất trung bình ước 70 tạ/ha cao hơn năm 2019 từ 2-4 tạ/ha. Cả nước đã gieo trồng được 185,3 nghìn ha ngô, tăng nhẹ so cùng kỳ.

- Rau màu

+ Năm 2019, sản lượng rau các loại đạt 17,6 triệu tấn, tăng 5,0% so với năm 2018; khoai lang ước đạt 1,4 triệu tấn, tăng 2,0%; lạc đạt 457 nghìn tấn, giảm 4,0%; đậu tương đạt 80,8 nghìn tấn, giảm 6,1%.

¹ do chuyển đổi cơ cấu cây trồng, hạn mặn, chuyển đổi mục đích sử dụng đất lúa

² đến thời điểm hiện tại thiệt hại do hạn mặn ở các mức độ khác nhau khoảng 23 nghìn ha

+ Tính đến giữa tháng 02, cả nước gieo trồng được 39,1 nghìn ha khoai lang, bằng 96,3%; 8,1 nghìn ha đậu tương, bằng 94,3%; 75,9 nghìn ha lạc, tương đương cùng kỳ năm ngoái; 428,9 nghìn ha rau đậu, tăng 0,6%.

- Cây ăn quả

+ Năm 2019, diện tích cây ăn quả tăng mạnh, đạt khoảng 1,05 triệu ha, sản lượng quả đạt hơn 12,6 triệu tấn. Sản lượng và chất lượng các loại cây ăn quả chủ lực, có lợi thế của cả nước và từng vùng đều tăng, một số loại cây tăng mạnh như: xoài đạt 814 nghìn tấn, tăng 2,9%; cam đạt trên 960,9 nghìn tấn, tăng 12,4%; bưởi đạt 779,3 nghìn tấn, tăng 18,2%; thanh long đạt trên 1,24 triệu tấn, tăng 15,0%.

+ 2 tháng đầu năm, một số cây ăn quả chủ lực đang thu hoạch (thanh long, chôm chôm, cam), một số loại đang thời kỳ ra hoa (vải, nhãn, xoài,..) với tỷ lệ ra hoa – đậu quả đạt khá cao, đạt khoảng 95%.

b) Chăn nuôi

+ Năm 2019, chăn nuôi bò và gia cầm tiếp tục tăng trưởng cao. Sản lượng thịt gia cầm đạt gần 1,3 triệu tấn, tăng 16,5%; thịt bò ước đạt 0,35 triệu tấn, tăng 4,4%; trứng ước đạt 13,3 tỷ quả, tăng 14%. Riêng chăn nuôi lợn gặp khó khăn do dịch tả lợn Châu Phi (DTLCP) nên sản lượng thịt lợn cả năm đạt 3,3 triệu tấn, giảm 13,8% so với năm 2018.

+ 2 tháng đầu năm 2020, dịch tả lợn Châu Phi tiếp tục được kiểm soát, trên 97 % số xã đã không còn dịch sau 30 ngày, nhiều địa phương đã công bố hết dịch, người dân và doanh nghiệp đang đầu tư tái đàn khôi phục sản xuất. Theo số liệu ước tính của TCTK, đàn bò tăng 2,4%, đàn gia cầm tăng 13,8%, đàn lợn giảm 23,0% so với tháng 2/2019.

c) Thủy sản

+ Năm 2019, tổng sản lượng thủy sản đạt 8,2 triệu tấn (tăng 5,6% so với năm 2018); trong đó, sản lượng thủy sản khai thác đạt 3,8 triệu tấn (tăng 4,5%); nuôi trồng đạt 4,4 triệu tấn (tăng 6,5%).

+ 2 tháng đầu năm 2020, sản xuất thủy sản duy trì tốc độ tăng trưởng khá cao. Tổng sản lượng ước đạt 1,02 triệu tấn, tăng 3,5% so với cùng kỳ năm ngoái. Trong đó, sản lượng khai thác đạt 504 nghìn tấn, tăng 3,4% (khai thác biển đạt 476 nghìn tấn, tăng 3,3%); nuôi trồng ước đạt 513,6 nghìn tấn, tăng 3,7% so với cùng kỳ. Sản lượng cá tra ước đạt 183,5 nghìn tấn, tăng 3,6%; tôm ước đạt 61,1 nghìn tấn, tăng 3,7%.

d) Lâm nghiệp

+ Năm 2019, rừng trồng mới tập trung đạt 273,6 nghìn ha, giảm 4,5% so với năm 2018; sản lượng gỗ khai thác từ rừng trồng tập trung đạt 16 triệu m³, tăng 4,8%; đáp ứng trên 80% nhu cầu nguyên liệu cho công nghiệp chế biến gỗ.

³ chưa tính gỗ cao su do GSO đã tính sang sản phẩm phụ của ngành trồng trọt.

+ 2 tháng đầu năm 2020, cả nước đã chuẩn bị được 101,3 triệu cây giống các loại; trồng rừng mới ước đạt 15,5 nghìn ha, tăng 1,3% so với cùng kỳ năm trước; sản lượng gỗ khai thác ước đạt 1.785,7 nghìn m³, tăng 3,6%; sản lượng củi khai thác ước đạt 2,75 triệu ste, giảm 0,7%⁴.

2. Thị trường tiêu thụ nông sản

+ Năm 2019, mặc dù khó khăn về thị trường, các mặt hàng nông sản giảm giá từ 10 - 15%, nhưng tổng kim ngạch xuất khẩu NLTS đạt 41,3 tỷ USD. Thặng dư thương mại toàn ngành ước đạt mức kỷ lục 10,4 tỷ USD, tăng 16,6% so với năm 2018.

+ 2 tháng đầu năm, mặc dù chịu tác động khá mạnh bởi dịch Covid-19 nhưng kim ngạch xuất khẩu của ngành vẫn đạt 5,34 tỷ USD, giảm 2,8% so với cùng kỳ năm 2019. Kim ngạch nhập khẩu các mặt hàng NLTS ước khoảng 4,3 tỷ USD, giảm 6,7% so với cùng kỳ năm 2019. Thặng dư thương mại 2 tháng đạt 1,02 tỷ USD, tăng 18,4% so với cùng kỳ năm trước.

II. THỨC ĐẨY PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NĂM 2020 TRONG ĐIỀU KIỆN DỊCH COVID-19

Bước sang năm 2020, ngành nông nghiệp tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn với một số dự báo tình hình trong nước, quốc tế, Bộ xác định những nhiệm vụ, giải pháp thúc đẩy sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản trong điều kiện dịch Covid-19 như sau:

1. Một số dự báo chính

- Dự báo thời gian tới, kinh tế toàn cầu tiếp tục xu hướng tăng trưởng chậm. Các nền kinh tế chủ chốt đối mặt với nhiều khó khăn. Sự bùng phát của dịch Covid-19 diễn biến nghiêm trọng, phức tạp, chưa dự báo được thời điểm kết thúc gây ảnh hưởng tiêu cực tới tăng trưởng kinh tế thế giới. Chuỗi cung ứng toàn cầu gián đoạn do Trung Quốc là đối tác cung cấp hàng hóa đầu vào quan trọng với nhiều quốc gia và tập đoàn đa quốc gia trên thế giới. Bên cạnh đó, căng thẳng thương mại Mỹ - Trung Quốc có hạ nhiệt nhưng còn phức tạp; các yếu tố rủi ro địa chính trị; sự gia tăng của chủ nghĩa bảo hộ đã tác động bất lợi tới hoạt động sản xuất, đầu tư và thương mại toàn cầu. Gia tăng căng thẳng thương mại và rủi ro, suy thoái kinh tế trên diện rộng ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động thương mại toàn cầu nói chung, thương mại nông sản nói riêng⁵.

- Trong nước, ngành nông nghiệp bên cạnh những thuận lợi, cơ hội; cũng phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức; đó là: (1) Tác động biến đổi khí hậu xuất hiện ngay từ đầu năm gây ra tình hình hạn hán, xâm nhập mặn tại ĐBSCL ảnh hưởng tới ngành trồng trọt và nuôi trồng thủy sản; (2) Dịch tả lợn Châu phi tuy có giảm mạnh nhưng chưa được khống chế hoàn toàn nên vẫn gây khó khăn

⁴ Số về diện tích trồng rừng, gỗ, củi khai thác theo Tổng cục Thống kê

⁵ Các tổ chức quốc tế dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu sẽ suy giảm mạnh trong quý I/2020. Bloomberg dự báo ảnh hưởng của dịch Covid-19 lên nền kinh tế toàn cầu gây tổn thất lên tới 160 tỷ USD. Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF) đánh giá dịch Covid-19 có thể khiến tăng trưởng kinh tế thế giới giảm 0,1 điểm phần trăm và kiềm chế tăng trưởng kinh tế Trung Quốc ở mức 5,6% trong năm 2020.

cho công tác tái đàn; cúm gia cầm có nguy cơ bùng phát tại Việt Nam khi tổng đàn gia cầm hiện nay đang rất lớn; (3) Thị trường nhiều mặt hàng nông sản vẫn có xu hướng giảm và chịu tác động từ chiến tranh thương mại giữa các nước lớn; (4) Thẻ vàng xuất khẩu thủy sản khai thác biển do Ủy ban Châu Âu đưa ra chưa được gỡ bỏ; (5) Dịch bệnh Covid-19 đang diễn biến phức tạp, gây ảnh hưởng trực tiếp tới sản xuất và hoạt động xuất, nhập khẩu, tiêu thụ nông sản hàng hóa của Việt Nam.

2. Thúc đẩy sản xuất nông nghiệp những tháng cuối năm 2020 trong điều kiện dịch Covid-19

Những tháng còn lại của năm 2020, toàn ngành cần tập trung triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp để đẩy mạnh sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản nhằm đảm bảo an ninh lương thực trong nước, tăng cường xuất khẩu, đạt được mục tiêu cao nhất mà Chính phủ giao, cụ thể sau:

a) Phát triển ngành trồng trọt

Sử dụng linh hoạt diện tích trồng lúa, để vừa đảm bảo an ninh lương thực, vừa nâng cao hiệu quả sử dụng đất, tăng thu nhập cho nông dân; tiếp tục hướng dẫn chuyển đổi đất lúa kém hiệu quả sang các cây trồng khác có thị trường và thu nhập cao hơn, trọng tâm là chuyển sang trồng rau đậu, cây ăn quả và nuôi trồng thủy sản.

* *Về cây lương thực*: Với những dự báo về thời tiết, dịch bệnh, dự kiến diện tích **Lúa** cả năm ước đạt 7,3 triệu ha⁶, năng suất bình quân ước đạt 59,3 tạ/ha, tăng 1,2 tạ so với năm 2019 và sản lượng ước đạt **43,4 triệu tấn, giảm khoảng 70 nghìn tấn**. Ngô đạt 4,7 triệu tấn, giảm nhẹ (1,0%) so với năm 2019.

* *Rau màu*: Diện tích rau màu khoảng 980 nghìn ha, sản lượng dự kiến đạt 18,2 triệu tấn. Với lượng tiêu thụ trong nước khoảng **14 triệu tấn thì vẫn dư khoảng 4,2 triệu tấn để xuất khẩu**. Tăng diện tích trồng **Sắn** (chuyển đổi từ diện tích trồng mía), dự kiến sản lượng đạt 10,4 triệu tấn, tăng 3,2%.

* *Cây ăn quả*: Dự kiến diện tích cây ăn quả khoảng 1,1 triệu ha, tăng trên 50 nghìn ha; sản lượng ước đạt trên **13,3 triệu tấn, tăng khoảng 0,8 triệu tấn so với năm 2019**. Nhóm cây có diện tích và sản lượng tăng là cam, bưởi, dứa, xoài, nhãn, thanh long, sầu riêng. Cụ thể: Sản lượng **Thanh long** ước đạt 1,5 triệu tấn, tăng 20,7%; **Bưởi** đạt 900 nghìn tấn, tăng 15,5%; **Nhãn** đạt 580 nghìn tấn, tăng 14,2%; **Xoài** đạt 840 nghìn tấn, tăng 3,1%; **Vải** ước đạt 312,8 nghìn tấn, tăng 15,0%; **Sầu riêng** đạt 620 nghìn tấn, tăng 12,7%.

b) Chăn nuôi

Với kết quả chăn nuôi 2 tháng đầu năm, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 của các tập đoàn, doanh nghiệp chăn nuôi lớn và với điều kiện thuận lợi hơn, chăn nuôi sẽ phát triển ở hầu hết các sản phẩm chủ lực. **Dự kiến tổng sản lượng thịt các loại đạt khoảng 5,8 triệu tấn, tăng 16,3% so với năm 2019**. Cụ thể: Sản

⁶ giảm 165 nghìn ha do chuyển đổi cơ cấu cây trồng, hạn mặn, chuyển đổi mục đích sử dụng

lượng thịt lợn ước đạt 3,95 triệu tấn, tăng 19,97% so với năm 2019⁷; thịt gia cầm ước đạt 1,42 triệu tấn, tăng 11,0%; thịt trâu đạt 98,5 nghìn tấn, tăng 3,6%; thịt bò ước đạt 365,3 nghìn tấn, tăng 4,6%; sữa đạt 1,15 triệu tấn, tăng 11,4%; trứng đạt 14,6 tỷ quả, tăng 9,6%.

c) Thủy sản

Mặc dù còn nhiều khó khăn về xuất khẩu do tác động của dịch Covid-19, giá cá tra giảm, xâm nhập mặn, nhưng thời tiết trên biển tương đối thuận lợi, giá nhiên liệu giảm; các ưu đãi của Hiệp định CPTTP và EVFTA, mức thuế chống bán phá giá vào thị trường Hoa Kỳ giảm, kết quả công nhận tương đương về hệ thống quản lý, kiểm soát ATTP trên cá tra và các sản phẩm Siluriformes do Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ công bố là cơ sở thuận lợi giúp cho sản phẩm thủy sản của Việt Nam cạnh tranh hơn, trong đó có việc mở lại thị trường Ả rập Xê út.

Năm 2020, phân đầu ***tổng sản lượng thủy sản đạt 8,5 triệu tấn, tăng 4,4% so với năm 2019***. Trong đó, sản lượng khai thác đạt 3,9 triệu tấn, tăng 3,5%, sản lượng nuôi trồng đạt gần 4,7 triệu tấn, tăng 5,3% (cá tra đạt 1,6 triệu tấn, tăng 5,0%; tôm sú đạt 283,9 nghìn tấn, tăng 3,2%; tôm thẻ đạt 594 nghìn tấn, tăng 8,5%).

d) Lâm nghiệp

Phân đầu đạt tỷ lệ che phủ rừng đạt 42%; diện tích trồng rừng mới đạt 265 triệu ha, tổng sản lượng gỗ khai thác từ rừng trồng đạt khoảng 20,5 triệu m³.

đ) Xuất khẩu hàng nông lâm thủy sản

Năm 2020, mục tiêu kim ngạch xuất khẩu hàng hóa nông lâm thủy sản đạt 42 tỷ USD. Trong đó, hàng nông sản khoảng 20 tỷ USD, lâm sản và đồ gỗ khoảng 11,5 tỷ USD, các mặt hàng thủy sản khoảng 10 tỷ USD, các mặt hàng chăn nuôi khoảng 0,8 tỷ USD.

III. GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

Để đảm bảo đạt được những mục tiêu về sản lượng đề ra ở trên, toàn ngành nông nghiệp phải phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành, địa phương và các doanh nghiệp triển khai đồng thời những giải pháp sau:

1. Về thúc đẩy phát triển sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản

Thực hiện cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp theo hướng thích ứng với biến đổi khí hậu, phát huy lợi thế vùng, trên cơ sở tăng tỷ trọng nuôi trồng thủy sản và cây ăn quả.

a) Trồng trọt

- Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, địa phương có những điều chỉnh phù hợp về cơ cấu mùa vụ lúa, diện tích gieo trồng, cơ cấu giống hoặc chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa, trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản nhằm hạn chế thấp nhất tác động bất lợi của các điều kiện thời tiết khí hậu để đảm bảo nhu cầu tiêu dùng trong nước và xuất khẩu. Đối với rau màu, do thời

⁷ Tăng 3,5% so với năm 2018

gian sinh trưởng ngắn, Bộ sẽ điều chỉnh diện tích, cơ cấu về chủng loại rau để phù hợp với nhu cầu thị trường trong nước, xuất khẩu.

- **Rà soát xây dựng, phát triển các vùng sản xuất đối với sản phẩm xuất khẩu chủ lực**, có tín hiệu thị trường thuận lợi (gạo, cây ăn quả (thanh long, sầu riêng, chanh leo,...); chú trọng yếu tố thị trường, đặc biệt là các thị trường lớn; xây dựng vùng sản xuất tập trung, đầu tư phát triển ngành hàng theo chuỗi giá trị, gắn với thị trường, chế biến, các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng và phát triển nông thôn mới trên địa bàn.

- **Tập trung rà soát, chuyển đổi cơ cấu chủng loại, giống cây ăn quả** chất lượng, phù hợp, có thị trường bằng trồng mới, trồng tái canh, ghép cải tạo giống, theo hướng (i) khai thác, phát huy tốt lợi thế điều kiện tự nhiên của địa phương, (ii) rải vụ thu hoạch để phục vụ nội tiêu và xuất khẩu quả tươi cũng như đảm bảo nguyên liệu cho chế biến, (iii) có điều kiện áp dụng tiến bộ, kỹ thuật (TBKT), (iv) tiết kiệm nước tưới, thích ứng BĐKH.

Đối với các tỉnh phía Nam, tập trung và định hướng rải vụ 5 cây (thanh long, xoài, chôm chôm, sầu riêng, nhãn) và các cây trồng khác có điều kiện phù hợp. Các tỉnh phía Bắc tập trung bố trí cơ cấu giống rải vụ thu hoạch với cây vải, nhãn, chuối, cam, bưởi, xoài, bơ⁸. Đối với một số cây ăn quả phát triển nóng trong thời gian qua, có nguy cơ rủi ro giá cả, tiêu thụ (cây có múi cam, bưởi,...) tăng cường khuyến cáo nông dân không gia tăng diện tích khi chưa có hợp đồng, đầu ra và tín hiệu tích cực từ thị trường.

- **Phát triển các giống cây ăn quả đặc sản** có lợi thế tại các địa phương, vùng; ưu tiên công tác bình tuyển, phục tráng các giống bản địa, đặc sản địa phương. Tiếp tục đẩy mạnh nghiên cứu chọn tạo, phát triển các giống cây ăn quả mới, có năng suất, chất lượng, rải vụ thu hoạch phục vụ nhu cầu đa dạng của thị trường. Xây dựng, hình thành hệ thống sản xuất cây giống chất lượng cao, sạch bệnh cung cấp cho trồng thay thế và ghép cải tạo cây ăn quả có múi. Cải tiến toàn diện và mạnh mẽ việc áp dụng các TBKT vào sản xuất cây ăn quả.

- **Ưu tiên nghiên cứu, ứng dụng công nghệ cao trong bảo quản, chế biến**. Khuyến khích các doanh nghiệp tăng cường đầu tư đổi mới thiết bị, dây chuyền công nghệ tiên tiến, hiện đại và đồng bộ; nâng cao công suất chế biến, bảo quản trái cây; đa dạng hóa sản phẩm chế biến, tăng cường chế biến sâu: quả đông lạnh, đóng hộp, chiên sấy, nước quả tự nhiên, nước quả cô đặc, đông lạnh; chú trọng các loại sản phẩm đông lạnh, nước quả cô đặc,...; Đầu tư, khuyến khích đầu tư các cơ sở xử lý sau thu hoạch (chiều xạ, xông hơi nước nóng,...) đảm bảo yêu cầu xuất khẩu trái cây tươi.

⁸ Vải tiếp tục duy trì diện tích hiện có, bố trí tăng cơ cấu giống chín sớm (30% - 35%), chín vụ (65% - 70%); Nhãn tập trung chuyển đổi cơ cấu giống chín sớm, chín vụ và chín muộn phù hợp (tương ứng tỷ lệ diện tích 10%, 50% và 40%); Chuối: rải vụ thu hoạch trong năm; Cam bố trí cơ cấu giống chín sớm (20%), chín vụ (60% - 65%), chín muộn (15% - 20%); Bưởi bố trí cơ cấu giống chín sớm (30% - 40%), chín vụ và muộn (60% - 70%), tập trung nhóm bưởi ngọt (80%); Xoài bố trí cơ cấu giống mới, đa dạng về sử dụng (ăn xanh, ăn chín) (xoài Đài Loan, Úc...) chiếm trên 50% diện tích.

- **Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư liên kết với nông dân** trong chuỗi giá trị đối với các cây trồng chủ lực từ sản xuất, thu mua, bảo quản, chế biến, tiêu thụ, xuất khẩu; tập trung xây dựng, phát triển các chuỗi giá trị, tiêu thụ sản phẩm thông qua hợp đồng, tăng tỷ trọng tiêu thụ qua hợp đồng theo chuỗi giá trị lên khoảng 30 - 35% vào năm 2020.

- **Đảm bảo nguồn cung thuốc bảo vệ thực vật, phân bón:** Phối hợp với các bộ, ngành, doanh nghiệp đẩy mạnh sản xuất trong nước, mở rộng nguồn cung từ các thị trường khác ngoài Trung Quốc (Ấn Độ, Thái Lan, Nga, Nhật, Israel...).

b) Chăn nuôi

- **Đối với chăn nuôi lợn:** Tiếp tục các biện pháp kiểm soát dịch bệnh, đặc biệt dịch tả lợn Châu Phi; Phối hợp với Bộ Công thương, Bộ Tài chính kiểm soát giá thành và giá bán sản phẩm của các doanh nghiệp chăn nuôi lớn; kiểm soát chặt, hạn chế tối đa việc đầu cơ tăng giá lợn thịt, lợn giống hiện nay trên thị trường;

Đẩy nhanh tiến độ và quy mô tái đàn khôi phục đàn lợn nhằm ổn định thị trường và giá cả mặt hàng thịt lợn trong nước. Hướng dẫn doanh nghiệp và người dân các điều kiện để tái đàn lợn, khả năng kiểm soát dịch bệnh, thị trường, quy trình chăn nuôi an toàn sinh học; nghiên cứu và đề xuất chính sách hỗ trợ sản xuất con giống và tín dụng để người chăn nuôi vay vốn đầu tư khôi phục chăn nuôi lợn.

- **Chăn nuôi gia cầm:** Chỉ đạo điều chỉnh giảm mức tăng trưởng về đầu con và sản lượng gia cầm, cụ thể thịt gia cầm các loại từ 16,5% xuống dưới 10%, trứng từ 14% xuống 9-10% và đặc biệt là điều chỉnh chu kỳ sản phẩm giảm cao điểm vào các tháng mùa nóng (tháng 5-8) tránh dư thừa gây thiệt hại cho người chăn nuôi;

Kiểm soát tốt dịch bệnh, nhất là dịch cúm gia cầm, tụ huyết trùng...; kiểm soát chất lượng và nguồn gốc con giống, nhất là giống nhập khẩu không rõ nguồn gốc, chất lượng theo con đường tiêu ngạch; đẩy nhanh hoạt động đầu tư giết mổ, chế biến và xuất khẩu các sản phẩm gia cầm.

- **Chăn nuôi gia súc ăn cỏ:** Chỉ đạo các địa phương, người chăn nuôi khuyến khích mở rộng quy mô đàn gia súc ăn cỏ theo cả hướng thịt và sữa. Khuyến khích chuyển một phần diện tích đất nông nghiệp sang trồng thâm canh cỏ, ngô sinh khối và chế biến nâng cao giá trị dinh dưỡng nguồn phụ phẩm nông, công nghiệp làm thức ăn chăn nuôi.

Triển khai mạnh công tác kiểm soát chất lượng con giống, sản phẩm giống trong sản xuất, khuyến khích giai pháp cải tạo nâng cao tầm vóc đàn gia súc ăn cỏ trong sản xuất bằng biện pháp thụ tinh nhân tạo và đảo đực giống ở những vùng chưa có điều kiện thụ tinh nhân tạo.

c) Thủy sản

- **Nuôi trồng thủy sản:** Tiếp tục chỉ đạo tập trung phát triển nuôi trồng thủy

sản các đối tượng chủ lực (tôm sú, tôm chân trắng, cá tra) và các đối tượng nuôi có giá trị kinh tế cao theo hướng nâng cao giá trị thương mại và phát triển bền vững. Hướng dẫn, chỉ đạo công tác mùa vụ thả giống tôm nước lợ năm 2020; các giải pháp kỹ thuật nhằm ứng phó với hạn hán, xâm nhập mặn mùa khô năm 2019-2020.

Tập trung đăng ký cấp giấy xác nhận (mã số) cơ sở nuôi tôm nước lợ (tôm sú, tôm thẻ chân trắng), cá tra, nuôi lồng bè; công tác kiểm tra, cấp duy trì chứng nhận đủ điều kiện đối với các cơ sở sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản.

Tăng cường công tác quan trắc, cảnh báo môi trường các vùng nuôi trồng thủy sản tập trung để kịp thời đưa ra khuyến cáo và cảnh báo nhằm hạn chế thấp nhất thiệt hại cho người nuôi đồng thời phục vụ công tác chỉ đạo sản xuất nuôi trồng thủy sản bền vững.

- **Khai thác thủy sản:** Theo dõi và nắm chắc về tình hình, diễn biến thời tiết và thông tin về nguồn lợi thủy sản chỉ đạo kịp thời, huy động tàu thuyền sản xuất các nghề phù hợp để khai thác có hiệu quả.

Đẩy mạnh công tác tập huấn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật liên quan đến khai thác thủy sản cho ngư dân; quản lý tốt hạn ngạch khai thác hải sản, giảm dần số lượng tàu cá khai thác và đẩy mạnh công tác chuyển đổi từ nghề khai thác xâm hại nguồn lợi thủy sản và môi trường sang làm các nghề nuôi biển, nghề khác cho ngư dân.

Chỉ đạo các địa phương hướng dẫn ngư dân đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, tổ chức khai thác theo tổ, đội để tăng thời gian bám biển, tiết kiệm chi phí di chuyển ngư trường, nâng cao hiệu quả khai thác.

Nghiên cứu đề xuất xây dựng trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình tổng thể đảm bảo an toàn cho người và tàu cá hoạt động thủy sản.

Xây dựng quy trình đầy đủ về công tác xác nhận và chứng nhận thủy sản khai thác trước khi xuất khẩu. Phối hợp hoàn thiện hệ thống chứng nhận điện tử để kết nối hệ thống cơ sở dữ liệu nghề cá như cấp phép khai thác với công tác chứng nhận, xác nhận thủy sản khai thác. Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện quy trình kiểm tra, kiểm soát tàu cá, sản lượng bốc dỡ qua cảng theo yêu cầu của EC.

Chuẩn bị tốt nội dung để làm việc với Đoàn Thanh tra của EC đánh giá tiến độ thực hiện các khuyến nghị lần thứ 2 (cuối tháng 5).

d) Lâm nghiệp

Triển khai các chương trình, kế hoạch về bảo vệ và phát triển rừng; trong đó tập trung trồng và chăm sóc rừng, công tác phòng, chữa cháy rừng. rà soát, điều chỉnh Chiến lược phát triển lâm nghiệp. Bảo vệ, phát triển và sử dụng hiệu quả, bền vững diện tích rừng hiện có để tăng độ che phủ rừng lên 42%;

Nâng cao năng suất, chất lượng và phát huy giá trị của từng loại rừng; đảm bảo cung cấp phần lớn gỗ nguyên liệu cho công nghiệp chế biến gỗ, sản xuất

giấy, ván nhân tạo, nhu cầu gỗ, củi và các lâm đặc sản khác cho tiêu dùng trong nước và xuất khẩu; Phát triển sản xuất, tạo việc làm, tăng thu nhập cho dân cư, góp phần xóa đói, giảm nghèo, đảm bảo quốc phòng, an ninh.

Triển khai thực hiện hiệu quả, đồng bộ Hiệp định VPA/PLEGT đã được phê duyệt, tạo điều kiện đẩy mạnh xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang EU.

2. Về thị trường tiêu thụ, thúc đẩy xuất khẩu để đạt mục tiêu đề ra

- Hoàn thành xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ Phương án chuyển đổi phương thức kinh doanh các ngành hàng nông lâm thủy sản, theo hướng nâng cao giá trị xuất khẩu.

- Đa dạng hóa thị trường xuất khẩu nông, lâm, thủy sản, từng bước giảm dần mức độ phụ thuộc vào một thị trường, đáp ứng tiêu chuẩn hàng hóa cao về xuất xứ hàng hóa, chỉ dẫn địa lý; thúc đẩy công nghiệp chế biến nông sản. Tăng cường triển khai công tác xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường tiêu thụ các mặt hàng nông sản, tiếp cận các hệ thống bán lẻ, chuỗi siêu thị tại nước ngoài.

- Chủ động phối hợp với Bộ Công thương, Đại sứ quán Việt Nam tại các nước triển khai toàn diện, đạt hiệu quả cao nhất về công tác xúc tiến, phát triển thị trường tại các địa bàn trọng điểm, tiềm năng và thị trường ngách, tạo sự đột phá trong đa dạng hóa thị trường...

- Tiếp tục triển khai các Đoàn công tác xúc tiến, phát triển thị trường tại các địa phương trọng điểm của Trung Quốc, ngay sau khi phía Trung Quốc kiểm soát dịch Covid-19 và công bố mở cửa lại bình thường. Chuẩn bị sẵn cả phương án, kịch bản nhu cầu nông sản, thủy sản của nhiều địa phương có dịch Covid-19 sẽ tăng cao sau khi hết dịch (*thời gian qua, nhiều địa phương của Trung Quốc, như tỉnh Hồ Bắc đã thực hiện nghiêm việc cách ly, nông dân không sản xuất trên đồng ruộng; dẫn đến thiết thụt cân đối lương thực, thực phẩm và phải nhập khẩu*).

- Tổ chức các diễn đàn xúc tiến thương mại, thúc đẩy tiêu thụ trong nước (ưu tiên thị trường nội địa) thông qua hệ thống kết nối thu mua nông sản giữa các địa phương, doanh nghiệp và bà con nông dân. Tổ chức lại hệ thống phân phối gắn kết với người sản xuất (*bao gồm chuẩn bị kịch bản trong bối cảnh nhiều địa phương công bố dịch Covid-19 sẽ dẫn đến nhu cầu cao và số lượng lương thực thực phẩm, do tâm lý và nhu cầu tích trữ phòng dịch của người dân*). Phối hợp các hiệp hội ngành hàng, doanh nghiệp, các đơn vị ngành Công thương các địa phương đẩy mạnh tổ chức xúc tiến thương mại, đưa hàng hóa nông sản vào tiêu thụ trong các hệ thống, chuỗi siêu thị lớn; khuyến khích các doanh nghiệp đẩy mạnh nâng cao chất lượng bảo quản, chế biến nông sản./.

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT